

Số: 775 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 512/SKHĐT-KTĐN ngày 25/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- VCCI Chi nhánh Thanh Hóa;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 775 /QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết); Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết, với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh Thanh Hóa nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; qua đó tạo điều kiện thu hút đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và những năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đến các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân nhằm tạo được sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cán bộ, công chức về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành trong việc cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đảm bảo thật sự thông thoáng, hấp dẫn nhà đầu tư

a) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn

2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh.

Triển khai, thực hiện kịp thời các văn bản của Trung ương nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các quy định mới về cải cách thủ tục hành chính; giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, trong đó tập trung giảm thời gian giải quyết các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường... so với quy định của Trung ương.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến thủ tục đầu tư, đăng ký doanh nghiệp và kiến nghị giảm tối thiểu 50% phí công bố thông tin doanh nghiệp.

- Rà soát, tham mưu sửa đổi Quyết định số 2344/2016/QĐ-UBND ngày 04/7/2016, Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh quy định và sửa đổi một số điều về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý III năm 2019.

- Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3238/2011/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu, báo cáo UBND tỉnh trong tháng 6 năm 2019.

- Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, triển khai thực hiện tốt Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 gắn với thực hiện hiệu quả “3 đồng hành” và “5 hỗ trợ” đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tư pháp

- Nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản trái pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật; đồng thời, rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, bảo đảm hàng năm cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh rà soát, hoàn thiện các thủ tục hành chính có liên quan đến Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Phá sản để đẩy nhanh việc giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục, quy trình và rút ngắn thời gian.

d) Sở Nội vụ

- Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 221/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố, báo cáo UBND tỉnh trong Quý II năm 2019.

- Rà soát, tổ chức đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị tại Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

- Thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ công đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước, báo cáo UBND tỉnh vào Quý IV hàng năm.

e) Văn phòng UBND tỉnh

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm hành chính công cấp tỉnh; tăng cường đưa thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông; thực hiện công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tăng cường kiểm tra, theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân; thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

f) Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, thực hiện nghiêm Chi thị số 10/CT-UBND ngày 22/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hàng năm xây dựng và thống nhất chương trình thanh tra đối với doanh nghiệp, đảm bảo mỗi năm một doanh nghiệp chỉ phải tiếp, làm việc với một đoàn thanh tra, trừ trường hợp thanh tra đột xuất khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; giảm tối đa số lần thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, kể cả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.

g) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan rà soát, đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian xin cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan (bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của các cơ quan liên quan như chấp thuận đầu nối điện, nước, môi trường, phòng cháy, chữa cháy...).

h) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, rút ngắn thời gian đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản; bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ hồ sơ không cần thiết, đơn giản hóa nội dung hồ sơ, thủ tục hành chính, thực hiện kết nối điện tử liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai,

cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

i) Công ty Điện lực Thanh Hóa rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp.

j) Cục Hải quan Thanh Hóa rà soát, giảm thiểu giấy tờ, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Thực hiện phương thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo nguyên tắc quản lý trên cơ sở đánh giá rủi ro, áp dụng rộng rãi thông lệ quốc tế, chuyển căn bản sang hậu kiểm; điện tử hóa thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành; kết nối chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, tổ chức quản lý, kiểm tra chuyên ngành và với cơ quan hải quan.

k) Cục Thuế tỉnh rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho phù hợp với quy định của Luật Đầu tư; rút ngắn thời gian nộp thuế (không bao gồm thời gian nộp bảo hiểm xã hội); xây dựng và công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm kiểm tra 100% hồ sơ hoàn thuế thuộc diện phải kiểm tra, phấn đấu đến năm 2020 bảo đảm 100% hồ sơ khiếu nại của người nộp thuế được giải quyết đúng thời gian quy định.

g) Bảo hiểm Xã hội tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện giao dịch điện tử đối với các thủ tục kê khai, thu nộp và giải quyết chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giao dịch bảo hiểm xã hội.

l) Đề nghị Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Thanh Hóa, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hiệp hội ngành nghề:

- Tổ chức thu thập ý kiến phản biện chính sách, những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện thủ tục hành chính của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư để phản ánh với cơ quan có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan, lập các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược cạnh tranh, áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, xây dựng thương hiệu, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội nhằm từng bước cải thiện trình độ kinh doanh và năng lực cạnh tranh của cộng đồng doanh nghiệp.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường hội nhập quốc tế của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

m) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan:

- Trên cơ sở các hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành Trung ương, yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện cải thiện xếp hạng môi trường kinh doanh - EoDB theo cách tiếp cận của Ngân hàng Thế giới (WB) (chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

- Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại nhằm rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị; tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, chuyển đổi vị trí công tác của các cán bộ liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị 18/CT-UBND ngày 26/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về cải cách thủ tục hành chính, trong đó thực hiện tốt phương châm “4 tăng”, “2 giảm”, “3 không”.

2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; công khai, minh bạch thông tin cho doanh nghiệp và thực hiện Chính phủ điện tử và phát triển các dịch vụ thông minh tỉnh Thanh Hóa

a) Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham mưu xây dựng đề án hợp tác truyền thông với các cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương giai đoạn 2019 - 2025, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý I năm 2019.

- Tham mưu xây dựng quy định quản lý, sử dụng chứng thư số chuyên dùng trong việc gửi, nhận văn bản trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và HSCV, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý II năm 2019.

- Tham mưu xây dựng quy định quản lý, vận hành và cung cấp thông tin cho công dịch vụ công tỉnh Thanh Hóa; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý III năm 2019.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, đảm bảo đến hết năm 2019 cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ở mức độ 3 và 10% ở mức độ 4; đến năm 2020 đạt 30% ở mức độ 4.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tốt đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2020.

- Xây dựng lộ trình nâng cấp độ hỗ trợ trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4 tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Hướng dẫn Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, Đài truyền thanh cơ sở tăng cường đưa thông tin về những nỗ lực của tỉnh trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh công tác tuyên truyền và kịp thời đưa tin về những mặt được, chưa được của các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này.

b) Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch ứng dụng các công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý III năm 2019.

- Tiếp tục mở rộng triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đến UBND cấp xã.

c) Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Thực hiện tốt lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Kế hoạch hành động số 01/KH-UBND ngày 04/01/2016 và Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh.

- Thực hiện trao đổi văn bản điện tử qua mạng với 100% văn bản điện tử có sử dụng chứng thư số cơ quan và chứng thư số cá nhân cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị. UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện trao đổi văn bản điện tử qua mạng với 100% văn bản điện tử có sử dụng chứng thư số cơ quan.

- Quán triệt, tuyên truyền trong cơ quan, cán bộ công chức để đảm bảo sử dụng chứng thư số với 100% văn bản điện tử.

- Kịp thời công bố, công khai các quy hoạch, cơ chế, chính sách về ưu đãi đầu tư và các tài liệu pháp lý liên quan tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tra cứu, tìm hiểu thông tin; đồng thời, công khai kiến nghị và kết quả giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh; kế hoạch tiếp xúc và đối thoại với doanh nghiệp theo chuyên đề, nhất là với các vấn đề bức xúc như: thủ tục hành chính về đầu tư, đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng, thuế, tín dụng, lao động, bảo hiểm, tiếp cận điện năng...

- Hoàn thành triển khai trung tâm một cửa liên thông hiện đại ở tất cả các huyện, thị xã, thành phố và một số đơn vị sở, ngành có nhiều thủ tục hành chính. Tích hợp phần mềm đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính trong việc xây dựng triển khai hệ thống một cửa điện tử.

- Trên cơ sở các hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành Trung ương, yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện cải thiện xếp hạng Chính phủ điện tử theo cách tiếp cận của Liên hợp quốc (*chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo*).

3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường liêm chính, sáng tạo, nâng cao hiệu quả công vụ; hoàn thiện quy định của các cấp, các ngành và người đứng đầu trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực

a) Sở Nội vụ

- Xây dựng đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, tổ chức của các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 10 năm 2019.

- Xây dựng phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính; chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý III năm 2019.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo UBND tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, nhất là việc tiếp nhận, giải quyết công việc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; xử lý nghiêm theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, vi phạm đạo đức công vụ.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, tham mưu quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và các chủ đầu tư, quản lý, sử dụng công viên, bãi đỗ xe và các khu công cộng được đầu tư bằng hình thức xã hội hóa; báo cáo UBND tỉnh sớm ban hành để làm cơ sở cho các cấp, các ngành triển khai thực hiện.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước và các chủ đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án có sử dụng đất; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý I năm 2019.

- Xây dựng quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước về công tác tham mưu, thừa hành trong hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý II năm 2019.

d) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, tham mưu xây dựng quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động; quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác phòng ngừa, giải quyết đình công trái quy định của pháp luật tại các doanh nghiệp; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý II năm 2019.

e) Sở Giao thông Vận tải

- Tham mưu sửa đổi quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 4455/2017/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh); báo cáo UBND tỉnh trong tháng 03 năm 2019.

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 7 năm 2019.

- Xây dựng quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với xe chờ quá khổ, quá tải; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý I năm 2019.

f) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tham mưu Phương án kiện toàn, củng cố thư viện công cộng cấp huyện;

sáp nhập các ban quản lý di tích, trung tâm văn hóa, trung tâm thể thao, nhà văn hóa, đài phát thanh huyện, thị xã, thành phố thành một đầu mối; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 02 năm 2019.

g) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tăng cường các biện pháp quán triệt, giáo dục, quản lý, giám sát chặt chẽ quá trình giải quyết công việc và thái độ ứng xử của cán bộ, công chức đối với tổ chức, công dân; đồng thời, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, yêu cầu thực hiện nghiêm túc quy định “3 không” trong xử lý công việc cho tổ chức, công dân: “không gây phiền hà, sách nhiễu; không trả hồ sơ quá 1 lần; không trễ hẹn”.

- Thực hiện việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở xác định kết quả, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân, doanh nghiệp; đồng thời thực hiện công khai kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

- Rà soát, hoàn thiện nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị cho phù hợp với yêu cầu về đổi mới tác phong, cải tiến lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trong đó xác định rõ cơ chế giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật, đánh giá xếp loại đối với các trường hợp không chấp hành tốt kỷ luật kỷ cương, vi phạm quy định về đạo đức công vụ.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ, tiếp cận tín dụng, an ninh trật tự và các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực đổi mới sáng tạo

a) Sở Tư pháp

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp, tạo sự minh bạch trong việc áp dụng pháp luật và bảo đảm quyền tài sản cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Tổ chức thẩm định kịp thời, có chất lượng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan trong việc hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung của luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Thúc đẩy phát triển đội ngũ quản tài viên, trọng tài và luật sư, nhất là luật sư chuyên sâu về thương mại.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tốt việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; các giải pháp nhằm nâng cao năng lực sáng tạo, chất lượng hoạt động của các tổ chức nghiên cứu khoa học; các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ, thiết bị; đồng thời, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các trường đại học trong việc nghiên cứu và phát triển công nghệ.

c) Sở Giao thông Vận tải

- Xây dựng đề án thành lập Trung tâm quản lý điều hành vận tải hành

khách công cộng - sát hạch lái xe tỉnh Thanh Hóa; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 8 năm 2019.

- Xây dựng đề án phát triển dịch vụ logistic tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý III năm 2019.

- Xây dựng đề án tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường tỉnh của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý IV năm 2019.

- Tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, đảm bảo an toàn giao thông; thực hiện tốt việc quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn; đồng thời, phối hợp với các đơn vị liên quan nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng đường sắt, hạ tầng cảng biển, đường hàng không; nâng cao mức độ sẵn có về các chuyến bay.

d) Công an tỉnh

- Tăng cường quản lý công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội; hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng tổ an ninh; phối hợp với chính quyền các địa phương và các đoàn thể nhân dân chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các mâu thuẫn liên quan đến quyền lợi của doanh nghiệp và người lao động, phòng chống đình công, lãn công, các mâu thuẫn liên quan đến bồi thường GPMB, di dân tái định cư, không để phát sinh thành điểm nóng, chú trọng các địa bàn trọng điểm như: Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp, thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn...

- Nâng cao tỷ lệ khám phá án trung bình hàng năm đạt 90% trở lên, án đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%; đảm bảo trung bình hàng năm tội phạm giảm 7% trở lên.

e) Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan Thanh Hóa, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước: chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các chính sách thuế, xuất nhập khẩu, tín dụng của Trung ương trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực do ngành mình quản lý; tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp được tiếp cận, thụ hưởng các chính sách do Trung ương ban hành.

f) Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các các tổ chức tín dụng, các ngân hàng thương mại đẩy mạnh cải cách quy trình, thủ tục cho vay vốn theo hướng đơn giản, thuận tiện, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất hợp lý; thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng với doanh nghiệp.

g) Trên cơ sở các hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành Trung ương, yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện cải thiện xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn kinh tế Thế giới (WEF) và Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).

(Chi tiết có Phụ lục 3 và 4 kèm theo).

5. Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh, xây dựng hệ thống các cơ chế chính sách; hệ thống quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đáp ứng yêu cầu phát triển và kêu gọi đầu tư

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; quy định về vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ cho các dự án và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để đảm bảo thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp; danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đề nghị HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; định mức hỗ trợ đối với từng loại công trình thuộc đối tượng khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn); báo cáo UBND tỉnh trong tháng 3 năm 2019.

- Tham mưu xây dựng Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, báo cáo UBND tỉnh trong tháng 9 năm 2019.

- Đôn đốc các ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả đề án huy động thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Xây dựng chủ trì, tham mưu rà soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý II năm 2019.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng quy định tỷ lệ mức trích bổ sung cho Quỹ bảo vệ môi trường từ tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được thu nộp vào ngân sách tỉnh; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 5 năm 2019.

- Xây dựng danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 9 năm 2019.

- Xây dựng Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 10 năm 2019.

- Tiếp tục rà soát các quy hoạch về đất đai, xây dựng và đề xuất bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển và thu hút đầu tư; đồng thời, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tổ chức công bố, công khai quy hoạch theo quy định.

d) Sở Nông nghiệp và PTNT

- Xây dựng và hoàn thiện danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh, làm cơ sở hỗ trợ doanh nghiệp theo chính sách đặc thù của tỉnh; báo cáo UBND tỉnh.

- Tham mưu Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 02 năm 2019.

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung một số nội dung cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 và chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 6 năm 2019.

- Tham mưu phương án sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong Quý I năm 2019.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các trường phổ thông (tiểu học, THCS, THPT) công lập tự chủ; báo cáo UBND tỉnh trong tháng 10 năm 2019.

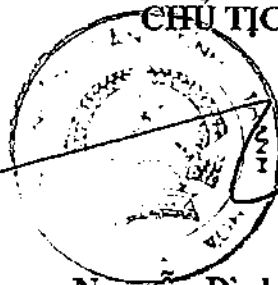
f) Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới các quy hoạch phân khu trong Khu kinh tế Nghi Sơn, đảm bảo chất lượng, phù hợp với Quy hoạch chung KKT Nghi Sơn, làm cơ sở để vận động, thu hút đầu tư.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung chủ yếu trong Kế hoạch hành động này, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp chỉ đạo xây dựng Kế hoạch hành động của ngành, địa phương mình và cụ thể hoá thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm, bố trí đủ nguồn nhân lực và các điều kiện đảm bảo hoàn thành những công việc được giao chủ trì thực hiện; định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh trước ngày 10 của tháng cuối quý (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp).

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, các địa phương thực hiện Kế hoạch hành động này; định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh, đảm bảo Kế hoạch được thực hiện đồng bộ và hiệu quả./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

Phụ lục 1: NHIỆM VỤ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VỀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH (THEO CÁCH TIẾP CẬN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI)

(Kèm theo Quyết định số: 775/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Các nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Cải thiện thứ hạng khởi sự kinh doanh		
1	Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Khắc dấu	Doanh nghiệp	
3	Điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian, chi phí thực hiện Thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Đơn giản hóa thủ tục mở tài khoản ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước	
5	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Mua hóa đơn VAT hoặc tự in hóa đơn	Cục thuế Thanh Hóa	
6	Rút ngắn thời gian Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
7	Đơn giản hóa thủ tục Nộp lệ phí môn bài	Cục thuế Thanh Hóa	
8	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian khai trình việc sử dụng lao động khi bắt đầu hoạt động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện)
9	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Đăng ký BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Các sở: Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND cấp huyện
II	Đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian Cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan		
1	Rút ngắn thời gian Thẩm duyệt PCCC	Cảnh sát PCCC	
2	Đơn giản hóa và điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Cấp giấy phép xây dựng	Sở Xây dựng	UBND cấp huyện
3	Đơn giản hóa và điện tử hóa thủ tục Thông báo cho Sở Xây dựng về việc khởi công và thực hiện thanh tra xây dựng	Sở Xây dựng	UBND cấp huyện
4	Rút ngắn thời gian thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công	Sở Xây dựng	UBND cấp huyện
5	Điện tử hóa thủ tục Đăng ký kết nối cáp, thoát nước	Công ty cấp, thoát nước Thanh Hóa	
6	Kiểm tra cấp thoát nước tại thực địa	Công ty cấp, thoát nước Thanh Hóa	UBND cấp huyện
7	Rút ngắn thời gian Kết nối cáp, thoát nước	Công ty cấp, thoát nước Thanh Hóa	UBND cấp huyện
8	Rút ngắn thời gian ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư sau khi kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng công trình và đi vào sử dụng	Sở Xây dựng	UBND cấp huyện
9	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục và rút ngắn thời gian đăng ký sở hữu tài sản sau hoàn công	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng và UBND cấp huyện
III	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian và cải thiện thứ hạng Tiếp cận điện năng	Điện lực tỉnh Thanh Hóa	Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải và UBND cấp huyện
1	Đơn giản hóa và điện tử hóa thủ tục Đăng ký cấp điện mới và đề nghị đấu nối	Điện lực tỉnh Thanh Hóa	UBND cấp huyện
2	Khảo sát cấp điện	Điện lực tỉnh Thanh Hóa	UBND cấp huyện
3	Đơn giản hóa thỏa thuận đấu nối và các yêu cầu kỹ thuật	Điện lực tỉnh Thanh Hóa	UBND cấp huyện

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3278 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Số TT	Các nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4	Đơn giản hóa, kết hợp thực hiện các thủ tục liên quan về Thỏa thuận tuyến, vị trí cột/ thỏa thuận địa điểm trạm điện, vị trí cột điện và hành lang lưới điện (bao gồm Giấy phép đào đường, vỉa hè/ Xác nhận phù hợp quy hoạch lưới điện)	Sở Công Thương chịu trách nhiệm đối với thủ tục xác nhận phù hợp quy hoạch lưới điện.	Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải và UBND cấp huyện chịu trách nhiệm đối với thủ tục Thỏa thuận tuyến, vị trí cột/ thỏa thuận địa điểm trạm điện, vị trí cột điện và hành lang lưới điện/ Giấy phép đào đường, vỉa hè.
5	Rút ngắn thời gian lắp đặt đồng hồ đo điện, ký kết hợp đồng mua bán điện, và đóng điện	Điện lực tỉnh Thanh Hóa	UBND cấp huyện
IV	Đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian và chi phí thực hiện Đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản		
1	Chuẩn bị bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Doanh nghiệp	
2	Công chứng viên kiểm tra nội dung thỏa thuận của các bên giao kết hợp đồng hoặc nội dung văn bản về bất động sản không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội	Sở Tư pháp	UBND cấp huyện
3	Rút ngắn thời gian Ký hợp đồng chuyển nhượng với sự chứng kiến và xác nhận của Công chứng.	Sở Tư pháp	UBND cấp huyện
4	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Nộp thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trước bạ	Cục thuế Thanh Hóa	UBND cấp huyện
5	Đơn giản hóa, điện tử hóa và rút ngắn thời gian Đăng ký quyền sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện
V	Nâng cao tính minh bạch và khả năng Tiếp cận tín dụng		
1	Cải thiện Chỉ số quyền pháp lý (0-12 điểm): Bảo vệ quyền lợi của người vay và người cho vay; bảo vệ quyền của chủ nợ bảo đảm.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Sở Tư pháp
2	Mở rộng phạm vi và khả năng tiếp cận thông tin tín dụng do các trung tâm thông tin tín dụng công và công ty thông tin tín dụng tư cung cấp (0-8 điểm).	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Các sở: Công Thương, Thông tin truyền thông
3	Tăng mức độ bao phủ trung tâm thông tin tín dụng công (% người trưởng thành): Số lượng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp lưu trữ trong kho dữ liệu của trung tâm thông tin tín dụng công so sánh với tỷ lệ dân số trưởng thành	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Các sở: Công Thương, Thông tin truyền thông
4	Tăng Mức độ bao phủ công ty thông tin tín dụng tư (% người trưởng thành): Số lượng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp lưu trữ trong kho dữ liệu của công ty thông tin tín dụng tư so sánh với tỷ lệ dân số trưởng thành	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Các sở: Công Thương, Thông tin truyền thông
VI	Đảm bảo hiệu quả thực thi các quy định về Bảo vệ nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND cấp huyện
VII	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Nộp thuế và bảo hiểm xã hội		
1	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Nộp Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài chính và UBND cấp huyện
2	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Nộp thuế - Thu nhập doanh nghiệp	Cục thuế Thanh Hóa	
3	Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các thủ tục sau nộp thuế (Hoàn thuế, thanh tra thuế, khiếu nại thuế) (0-100 điểm)	Cục thuế Thanh Hóa	
VIII	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, giảm thời gian, chi phí Giao dịch thương mại qua biên giới		

Số TT	Các nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục xuất khẩu	Cục Hải quan Thanh Hóa	Các bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm về cải cách thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành, gồm: Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công an, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục nhập khẩu	Cục Hải quan Thanh Hóa	Các bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm về cải cách thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành, gồm: Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công an, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
IX	Nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian Giải quyết tranh chấp hợp đồng	Tòa án tỉnh Thanh Hóa	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện
X	Nâng cao tỷ lệ phục hồi doanh nghiệp và rút ngắn thời gian Giải quyết phá sản doanh nghiệp	Tòa án tỉnh Thanh Hóa	Các sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện

Ghi chú: Trên cơ sở các chỉ số về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo cách tiếp cận của WB do các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn, yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực

Phụ lục 2: NHIỆM VỤ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VỀ THỰC HIỆN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ (THEO CÁCH TIẾP CẬN CỦA LIÊN HIỆP QUỐC)

(Kèm theo Quyết định số: 775, /QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4
I	Chỉ số hạ tầng viễn thông (TII)		
1	Tỉ lệ người dùng Internet (% dân số)	Sở Thông tin và Truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
2	Số thuê bao điện thoại cố định trên 100 dân	Sở Thông tin và Truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
3	Số thuê bao điện thoại di động trên 100 dân	Sở Thông tin và Truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
4	Số thuê bao Internet băng thông rộng cố định trên 100 dân	Sở Thông tin và Truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
5	Số thuê bao Internet băng thông rộng không dây trên 100 dân	Sở Thông tin và Truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
II	Chỉ số Nguồn nhân lực (HCL)		
1	Tỷ lệ người lớn biết đọc biết viết (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
2	Tỷ lệ nhập học ở cấp phổ thông (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
3	Tổng số năm học phổ thông của một học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
4	Số năm học trung bình của một người khi đến tuổi trưởng thành	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
III	Chỉ số Dịch vụ trực tuyến (OSI)	Sở Thông tin và Truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

Ghi chú: Trên cơ sở các chỉ số về thực hiện Chính phủ điện tử do các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn, yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

Phụ lục 3: NHIỆM VỤ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH (THEO CÁCH TIẾP CẬN CỦA ĐIỂN ĐÀN KINH TẾ THỂ GIỚI)

(Kèm theo Quyết định số: 745/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4
A	Nhóm chỉ số về các yêu cầu cơ bản		
I	Trụ cột 1: Hoàn thiện Thể chế		
1	Bảo đảm quyền tài sản	Sở Tư pháp	Các sở: Tài nguyên và môi trường, Khoa học và Công nghệ và UBND cấp huyện
2	Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Hạn chế đầu tư công sai mục đích	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
4	Cải thiện lòng tin của người dân đối với các nhà lãnh đạo	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
5	Công khai, minh bạch, nghiêm cấm gây phiền hà, nhũng nhiễu và nhận hối lộ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
6	Đảm bảo tính Độc lập tư pháp	Tòa án tỉnh Thanh Hóa	Sở Tư pháp và UBND cấp
7	Công khai, minh bạch các quyết định hành chính	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
8	Thực hiện chống lãng phí	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
9	Giảm thiểu gánh nặng về quy định, thủ tục	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
10	Nâng cao hiệu quả pháp lý trong giải quyết tranh chấp	Tòa án tỉnh Thanh Hóa	Sở Tư pháp và UBND cấp huyện
11	Xử lý, giải quyết tranh chấp giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà	Sở Tư pháp	Các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ
12	Đảm bảo minh bạch trong hoạch định chính sách của chính phủ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
13	Công khai, minh bạch về các khoản chi phí của doanh nghiệp cho mục đích chống tội phạm và bạo lực	Công an tỉnh Thanh Hóa	Các đơn vị liên quan
14	Tội phạm có tổ chức	Công an tỉnh Thanh Hóa	Các đơn vị liên quan
15	Nâng cao mức độ tin cậy vào dịch vụ ngành công an	Công an tỉnh Thanh Hóa	
16	Nâng cao đạo đức doanh nghiệp	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
17	Hiệu quả hoạt động của Ban giám đốc doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	VCCI, các Hiệp hội và UBND cấp huyện
18	Đảm bảo hiệu quả thực thi các quy định Bảo vệ cổ đông thiểu số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND cấp huyện
19	Đảm bảo hiệu quả thực thi các quy định Bảo vệ nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
II	Trụ cột 2: Cơ sở hạ tầng		
1	Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
2	Nâng cao chất lượng đường bộ	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện
3	Nâng cao chất lượng hạ tầng đường sắt	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện
4	Nâng cao chất lượng hạ tầng cảng biển	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện
5	Nâng cao chất lượng hạ tầng hàng không	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện
6	Mức độ sẵn có về chuyến bay	Sở Giao thông vận tải	
7	Nâng cao chất lượng cung ứng điện năng	Điện lực tỉnh Thanh Hóa	UBND cấp huyện
8	Số thuê bao điện thoại di động (/100 dân)	Sở Thông tin truyền thông	

Số TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4
9	Số thuê bao điện thoại cố định (/100 dân)	Sở Thông tin truyền thông	
III	Trụ cột 3: Môi trường kinh tế vĩ mô		
1	Cân đối ngân sách của tỉnh (% GDP)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
IV	Trụ cột 4: Y tế và giáo dục tiểu học		
1	Thực hiện các giải pháp nhằm giảm số trường hợp mắc bệnh sốt rét (số trường hợp/100.000 dân)	Sở Y tế	
2	Hạn chế tác động của bệnh sốt rét tới hoạt động kinh doanh	Sở Y tế	
3	Thực hiện các giải pháp nhằm số trường hợp mắc bệnh lao (số trường hợp/100.000)	Sở Y tế	
4	Hạn chế tác động của bệnh lao tới hoạt động kinh doanh	Sở Y tế	
5	Thực hiện các giải pháp nhằm số trường hợp bị lây nhiễm HIV (% của người trưởng)	Sở Y tế	
6	Hạn chế tác động của HIV/AIDS tới hoạt động kinh doanh	Sở Y tế	
7	Giảm thiểu Tỷ lệ chết khi sinh (Trên 1.000 trẻ sinh còn sống)	Sở Y tế	
8	Tuổi thọ (năm)	Sở Y tế	
9	Nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
10	Tăng tỷ lệ nhập học tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
B	Nhóm chỉ số nâng cao hiệu quả		
V	Trụ cột 5: Đào tạo và giáo dục bậc cao		
1	Tăng tỷ lệ nhập học phổ thông (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
2	Tăng tỷ lệ nhập học đại học và giáo dục nghề nghiệp (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
4	Nâng cao chất lượng giáo dục môn toán và khoa học	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
5	Nâng cao chất lượng các trường quản lý	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
6	Tăng mức độ tiếp cận internet trong trường học	Sở Giáo dục và Đào tạo	
7	Cải thiện mức độ sẵn có ở địa phương về các dịch vụ đào tạo chuyên ngành	Các sở: Giáo dục, Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện
8	Đảm bảo hiệu quả và chất lượng đào tạo cán bộ	Sở Nội vụ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
VI	Trụ cột 6: Hiệu quả của thị trường hàng hóa		
1	Mức độ cạnh tranh ở địa phương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
2	Mức độ chi phối thị trường	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
3	Hiệu lực của chính sách chống độc quyền	Sở Công Thương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
4	Tác động của chính sách thuế tới động lực đầu tư	Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Tổng thuế suất (thuế và BHXH) (% lợi nhuận)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm về BHXH, BHTN; Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm về thuế thu nhập doanh nghiệp; Sở Y tế chịu trách nhiệm về BHYT	

Số TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4
6	Đơn giản hóa thủ tục khởi sự kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, và UBND cấp huyện
7	Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục khởi sự kinh doanh (ngày)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, và UBND cấp huyện
8	Đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả chi phí chính sách nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND cấp huyện
9	Mức độ phổ biến về rào cản phi thuế quan	Các sở quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm, gồm: Tài chính, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công an, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và	
10	Thuế quan	Cục hải quan Thanh Hóa	
11	Mức độ phổ biến về sở hữu nước ngoài	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
12	Tác động của các quy định tới FDI	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
13	Giám sát nặng về thủ tục hải quan	Cục hải quan Thanh Hóa	
14	Giá trị nhập khẩu (% GDP)	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
15	Mức độ định hướng khách hàng	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
16	Mức độ tinh thông của người mua	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
VII	Trụ cột 7: Hiệu quả của thị trường lao động		
1	Hợp tác trong quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện
2	Đảm bảo mức độ linh hoạt về tiền lương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện
3	Tuyển dụng và chấm dứt hợp đồng lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện
4	Chi phí do dư thừa lao động (tuần lương)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện
5	Tác động của chính sách thuế tới động lực làm việc	Cục thuế Thanh Hóa	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
6	Trả lương theo năng suất, hiệu quả công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện
7	Tăng mức độ tin cậy đối với người quản lý	Sở Nội vụ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
8	Tăng khả năng giữ chân người tài	Sở Nội vụ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
9	Tăng khả năng thu hút nhân tài	Sở Nội vụ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
10	Tỷ lệ nữ trong lực lượng lao động (tỷ lệ so với nam giới)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
VIII	Trụ cột 8: Sự phát triển của thị trường tài chính		
1	Cải thiện các dịch vụ tài chính đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa	
2	Tăng khả năng chi trả cho các dịch vụ tài chính	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa	
3	Tạo thuận lợi trong tiếp cận vốn vay	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa	

Số TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4
4	Tạo lập vốn đầu tư mạo hiểm cho doanh nghiệp khởi nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị liên quan
5	Đảm bảo tính lành mạnh của hệ thống ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa	
IX	Trụ cột 9: Mức độ sẵn sàng về công nghệ		
1	Mức độ sẵn có về công nghệ hiện đại	Sở Khoa học và Công nghệ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
2	Mức độ thu hút công nghệ mới ở cấp độ doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
3	FDI và tác động tới chuyển giao công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
4	Số người sử dụng internet (% dân số)	Sở Thông tin truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
5	Số thuê bao dịch vụ internet băng thông (/100 dân)	Sở Thông tin truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
6	Băng thông rộng internet quốc tế (kb/s/người sử dụng)	Sở Thông tin truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
7	Số thuê bao băng thông di động (/100 dân)	Sở Thông tin truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
X	Trụ cột 10: Quy mô thị trường		
1	Quy mô thị trường nội tỉnh	Sở Công thương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
2	Quy mô thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh	Sở Công thương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
3	Giá trị xuất khẩu %GDP	Sở Công thương	
C	Nhóm chỉ số về đổi mới và sự tinh thông		
XI	Trụ cột 11: Mức độ tinh thông trong kinh doanh		
1	Số lượng doanh nghiệp cung ứng trong tỉnh	Sở Công thương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
2	Chất lượng doanh nghiệp cung ứng trong tỉnh	Sở Công thương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
3	Mức độ phát triển cụm liên kết ngành	Sở Công thương	
4	Đặc điểm về lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
5	Mức độ tham gia vào chuỗi giá trị	Sở Công thương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
6	Mức độ các doanh nghiệp trong tỉnh kiểm soát phân phối sản phẩm trên thị trường quốc tế	Sở Công thương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
7	Mức độ tinh vi của quy trình sản xuất	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
8	Mức độ thành công của hoạt động tiếp thị	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
9	Mức độ doanh nghiệp sẵn sàng trao quyền cho các đơn vị cấp dưới	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
XII	Trụ cột 12: Đổi mới công nghệ		
1	Nâng cao năng lực sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Nâng cao chất lượng các tổ chức nghiên cứu khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Chi phí của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu và phát triển R&D	Sở Khoa học và Công nghệ	

Số TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4
4	Tăng cường liên kết doanh nghiệp - trường đại học trong nghiên cứu và phát triển	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và UBND cấp huyện
5	Mua sắm của UBND tỉnh về các sản phẩm công nghệ tiên tiến	Sở Khoa học và Công nghệ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
6	Sự sẵn có về các nhà khoa học và kỹ sư	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ
7	Bằng phát minh sáng chế được áp dụng (số lượng ứng dụng/triệu dân)	Sở Khoa học và Công nghệ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương

Ghi chú: Trên cơ sở các chỉ số về nâng cao năng lực cạnh tranh do các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn, yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

**Phụ lục 4: NHIỆM VỤ CỦA SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VỀ
NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

(Kèm theo Quyết định số : 775 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Thể chế		
1.1	Môi trường chính trị		
1	Đảm bảo ổn định và an ninh chính trị	Công an tỉnh Thanh Hóa	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
2	Nâng cao Hiệu lực chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
1.2	Môi trường pháp lý		
1	Cải thiện Chất lượng các quy định pháp luật	Sở Tư pháp	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
2	Nâng cao hiệu quả Thực thi pháp luật	Tất cả các sở, ban, ngành, địa	
3	Chi phí sa thải nhân công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện
1.3	Môi trường kinh doanh		
1	Tạo điều kiện thuận lợi cho khởi sự kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
2	Tạo thuận lợi trong giải quyết phá sản doanh nghiệp	Tòa án tỉnh Thanh Hóa	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện
3	Tạo thuận lợi trong nộp thuế và BHXH	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	Các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Cục thuế và UBND cấp huyện
II	Nguồn nhân lực và nghiên cứu		
2.1	Giáo dục		
1	Tỷ lệ học sinh/giáo viên, trung học	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
2.2	Giáo dục đại học		
1	Tỷ lệ tuyển sinh đại học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị liên quan
2	Sinh viên tốt nghiệp ngành khoa học và kỹ thuật	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Tỷ lệ sinh viên nước ngoài học tập trong tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở: Nội vụ, Ngoại vụ
III	Cơ sở hạ tầng		
3.1	Công nghệ thông tin		
1	Truy cập ICT	Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Sử dụng ICT	Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Dịch vụ trực tuyến của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
4	Mức tham gia trực tuyến (online e-participation)	Sở Thông tin và Truyền thông	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
3.2	Cơ sở hạ tầng chung		
1	Sản lượng điện, kWh/đầu người	Điện lực tỉnh Thanh Hóa	
2	Hiệu quả logistics	Sở Công thương	
3.3	Bền vững sinh thái		
1	Kết quả về môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
2	Số chứng chỉ ISO 14001/tỷ \$PPP GDP	Sở Khoa học và Công nghệ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
IV	Trình độ phát triển của thị trường		
4.1	Tín dụng		
1	Tạo thuận lợi trong tiếp cận tín dụng	Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thanh Hóa	

Số TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
2	Tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân, % GDP	Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thanh Hóa	
3	Vay tài chính vi mô, % GDP	Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thanh Hóa	
4.2	Đầu tư		
1	Bảo vệ nhà đầu tư thiểu số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Số thương vụ đầu tư mạo hiểm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4.3	Thương mại, cạnh tranh, quy mô thị trường		
1	Mức thuế quan áp dụng, bình quân gia quyền/tất cả các sản phẩm (%)	Cục thuế Thanh Hóa	
2	Mức độ cạnh tranh trong tỉnh	Sở Công Thương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
3	Quy mô thị trường nội địa	Sở Công Thương	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
V	Trình độ phát triển của kinh doanh		
5.1	Lao động có kiến thức		
1	Việc làm trong các ngành dịch vụ thâm dụng tri thức (% tổng việc làm)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
2	Doanh nghiệp có hoạt động đào tạo chính thức (% doanh nghiệp nói chung)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
3	Lao động nữ có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao (% tổng lao động)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
5.2	Liên kết sáng tạo		
1	Hợp tác đại học - doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở: Bộ Lao động - Thương binh và XH, Khoa học và Công nghệ
2	Quy mô phát triển của cụm công nghiệp	Sở Công thương	UBND cấp huyện
3	Số thương vụ liên doanh liên kết chiến	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.3	Hấp thu tri thức		
1	Trả tiền bản quyền (% tổng giao dịch thương mại)	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Nhập khẩu công nghệ cao (% tổng thương mại)	Sở Khoa học và Công nghệ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
3	Dòng vốn ròng đầu tư trực tiếp nước ngoài (%GDP)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
VI	Sản phẩm kiến thức và công nghệ		
6.1	Tác động của tri thức		
1	Tốc độ tăng năng suất lao động (GDP/người lao động)	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
2	Mật độ doanh nghiệp mới	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
3	Tổng chi cho phần mềm máy tính	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương	
4	Sản lượng ngành công nghệ cao và công nghệ trung bình cao (% tổng sản lượng sản xuất)	Sở Khoa học và Công nghệ	Tất cả các sở, ban, ngành, địa phương
6.3	Lan tỏa tri thức		
1	Tiền bản quyền tác giả, lệ phí, giấy phép (% tổng giao dịch thương mại)	Sở Khoa học và Công nghệ	
VII	Sản phẩm sáng tạo		
7.1	Tài sản vô hình		
1	Đăng ký nhãn hiệu theo nước xuất xứ, trên 1 tỷ \$PPP GDP	Sở Khoa học và Công nghệ	

Số TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
2	Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo nước xuất xứ	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Sáng tạo mô hình kinh doanh nhờ ICT	Sở Thông tin và Truyền thông	
4	Sáng tạo mô hình tổ chức nhờ ICT	Sở Thông tin và Truyền thông	
7.2	Sản phẩm và dịch vụ sáng tạo		
1	Xuất khẩu dịch vụ văn hóa và sáng tạo (% tổng giao dịch thương mại)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
2	Phim truyền quốc gia được sản xuất, tính trên 1 triệu dân độ tuổi từ 15 - 69 tuổi	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
3	Thị trường giải trí và đa phương tiện toàn cầu	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
4	Sản lượng in ấn và xuất bản (% tổng sản lượng sản xuất)	Sở Thông tin và Truyền thông	
5	Xuất khẩu hàng hóa sáng tạo (% tổng giao dịch thương mại)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Thông tin và Truyền thông, Công Thương
7.3	Sáng tạo trực tuyến		
1	Tên miền gTLDs, trên 1 nghìn dân số có độ tuổi từ 15-69 tuổi	Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Tên miền ccTLDs, trên 1 nghìn dân số có độ tuổi từ 15 - 69 tuổi	Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Sửa mục từ Wikipedia hàng tháng (trên 1 triệu dân số có độ tuổi từ 15 - 69 tuổi)	Sở Thông tin và Truyền thông	
4	Tải video lên Youtube, chia cho số dân trong độ tuổi từ 15 - 69 tuổi.	Sở Thông tin và Truyền thông	

Ghi chú: Trên cơ sở các chỉ số về nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo do các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn, yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.